

Số: 06/2025/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số nội dung chi, mức chi đặc thù hỗ trợ công tác
phòng, chống ma túy của thành phố Hà Nội**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 30 tháng 3 năm 2021;

Căn cứ Luật Thủ đô ngày 28 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống ma túy;

Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Xét Tờ trình số 109/TTr-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc đề nghị ban hành Nghị quyết “Quy định công tác quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú và hỗ trợ người được phân công giúp đỡ người được giáo dục tại cấp xã; nội dung, mức chi đặc thù trong công tác cai nghiện ma túy tại các Cơ sở cai nghiện ma túy công lập; nội dung, mức chi đặc thù cho lực lượng chuyên trách, thực hiện phòng, chống ma túy thuộc các cơ quan chuyên trách, thực hiện nhiệm vụ phòng, chống ma túy trên địa bàn thành phố Hà Nội”; Báo cáo thẩm tra số 26/BC-BPC ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo giải trình, tiếp thu số 144/BC-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung chi, mức chi đặc thù hỗ trợ công tác phòng, chống ma túy của thành phố Hà Nội.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi đặc thù trong công tác quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú và hỗ trợ người được phân công giúp đỡ người được giáo dục tại cấp xã; nội dung, mức chi đặc thù trong công tác cai nghiện ma túy tại các Cơ sở cai nghiện ma túy công lập; nội dung, mức chi đặc thù cho lực lượng chuyên trách, thực hiện phòng, chống ma túy thuộc các cơ quan chuyên trách, thực hiện nhiệm vụ phòng, chống ma túy trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ chuyên trách công tác phòng, chống ma túy thuộc cơ quan Công an, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân các cấp của Thành phố.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện công tác quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy; quản lý sau cai nghiện ma túy; hỗ trợ giúp đỡ người được giáo dục sau cai nghiện ma túy; hỗ trợ người được giáo dục tại cấp xã.

3. Người cai nghiện ma túy tự nguyện, bắt buộc tại các Cơ sở cai nghiện ma túy công lập của Thành phố; người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

4. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan (nếu có).

Điều 3. Nội dung chi, mức chi và nguồn kinh phí thực hiện

1. Nội dung, mức chi đặc thù trong công tác quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú và hỗ trợ người được phân công giúp đỡ người được giáo dục tại cấp xã (*chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này*).

2. Nội dung, mức chi đặc thù trong công tác cai nghiện ma túy tại các Cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội (*chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này*).

3. Nội dung, mức chi đặc thù cho lực lượng chuyên trách, thực hiện phòng, chống ma túy thuộc các cơ quan chuyên trách, thực hiện nhiệm vụ phòng, chống ma túy trên địa bàn thành phố Hà Nội (*chi tiết tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết này*).

4. Kinh phí hỗ trợ thực hiện nội dung chi, mức chi tại khoản 1, 2, 3 Điều này được bố trí trong dự toán ngân sách Thành phố giao cho Công an Thành phố, Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố, Tòa án nhân dân Thành phố.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2025.

2. Bãi bỏ khoản 5 Điều 1 và Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân

Thành phố; khoản 9 Điều 1 và Phụ lục số 09 ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố; khoản 1, 2 Điều 1 và Phụ lục số 01, 02, 03 ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố.

3. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện các quy định của Nghị quyết. Trong quá trình thực hiện Nghị quyết, nếu phát sinh vướng mắc, UBND Thành phố cần kịp thời tổng hợp, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố để sửa đổi, bổ sung các quy định cho phù hợp với tình hình thực tiễn triển khai tại Thành phố Hà Nội.

4. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, Kỳ họp thứ 22 thông qua ngày 29 tháng 4 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Pháp luật & Tư pháp, Ủy Ban Công tác đại biểu;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Công an, Tư pháp, Tài chính;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ TP;
- Đoàn đại biểu Quốc hội TP Hà Nội;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Ban Đảng TU, Văn phòng TU;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND, VP UBND Thành phố;
- Các Sở, Ban, ngành, tổ chức CT-XH Thành phố;
- TT HĐND, UBND quận, huyện, thị xã;
- Trang TTĐT ĐBQH&HĐND TP;
- Trung tâm Truyền thông, DL và CNS TP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Tuấn

Phụ lục I

QUY ĐỊNH NỘI DUNG, MỨC CHI ĐẶC THÙ TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NGƯỜI SỬ DỤNG TRÁI PHÉP CHẤT MA TÚY; CÔNG TÁC CAI NGHIỆN MA TÚY TỰ NGUYỆN TẠI GIA ĐÌNH, CỘNG ĐỒNG; QUẢN LÝ SAU CAI NGHIỆN MA TÚY TẠI NƠI CƯ TRÚ VÀ HỖ TRỢ NGƯỜI ĐƯỢC PHÂN CÔNG GIÚP ĐỠ NGƯỜI ĐƯỢC GIÁO DỤC TẠI CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Kèm theo Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)



1. Nội dung chi, mức chi hỗ trợ công tác quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy

a) Chi lập hồ sơ quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, định mức: 30.000 đồng/hồ sơ.

b) Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, cước phí bưu chính, in ấn tài liệu, mẫu biểu phục vụ cho công tác lập hồ sơ, sao lưu tài liệu, định mức: Chi theo thực tế.

c) Chi tổ chức xét nghiệm chất ma túy theo định kỳ hoặc đột xuất (*test nhanh; xét nghiệm xác định tình trạng nghiện*), định mức: Mức chi theo giá dịch vụ y tế.

d) Hỗ trợ hàng tháng người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người bị quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy tại cấp xã theo phân công của Chủ tịch UBND cấp xã; mức hỗ trợ: 0,3 lần mức lương tối thiểu vùng I.

2. Nội dung chi, mức chi hỗ trợ công tác tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng

Hỗ trợ 01 lần kinh phí cai nghiện đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi hoàn thành ít nhất 03 giai đoạn theo quy định tại Điều 22, Điều 23 và Điều 24 của Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ; mức hỗ trợ: 01 lần mức lương tối thiểu vùng I.

3. Nội dung chi, mức chi hỗ trợ công tác quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú

Hỗ trợ hàng tháng đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và hỗ trợ người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người bị quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã theo phân công của Chủ tịch UBND cấp xã; mức hỗ trợ: 0,3 lần mức lương tối thiểu vùng I.

4. Nội dung chi, mức chi hỗ trợ cho người được phân công trực tiếp giúp đỡ người được giáo dục tại cấp xã theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ

Hỗ trợ cho người được phân công giúp đỡ người được giáo dục: 450.000 đồng/tháng/người được giáo dục. Một người có thể được phân công quản lý giáo dục, giúp đỡ nhiều người nhưng không quá 03 người cùng một thời điểm./.

Phụ lục II



QUY ĐỊNH NỘI DUNG, MỨC CHI TRONG CÔNG TÁC CAI NGHIỆN MA TÚY TẠI CÁC CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TÚY CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Kèm theo Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

1. Nội dung, mức chi với người cai nghiện bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc

a) Tiền thuốc cắt cơn (trừ trường hợp đã được điều trị cắt cơn tại tổ chức xã hội, cơ sở xã hội, cơ sở đa chức năng), giải độc, thuốc điều trị rối loạn tâm thần và điều trị các cơ hội khác (nếu có): Theo thực tế phát sinh, tối đa 650.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.

b) Tiền khám sức khỏe định kỳ 06 tháng/lần: Thực hiện theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế; Mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành do cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập.

c) Hỗ trợ chi phí đào tạo nghề ngắn hạn: Mức hỗ trợ tùy theo từng nghề, thời gian học thực tế, tối đa không vượt quá mức hỗ trợ cao nhất (06 triệu đồng/người/khoá học) theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính; không hỗ trợ tiền học nghề cho đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc từ lần thứ hai trở đi được học nghề.

Hình thức học nghề thực hiện theo điểm b khoản 6 Điều 5 Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tư nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

d) Chi tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, đọc sách, báo, xem truyền hình và các hoạt động vui chơi giải trí khác, định mức 120.000 đồng/người/năm.

đ) Hỗ trợ tiền ăn hàng tháng của người cai nghiện bằng 0,4 lần mức lương tối thiểu vùng I. Ngày Lễ, Tết dương lịch người cai nghiện được ăn thêm bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; các ngày Tết nguyên đán người cai nghiện được ăn thêm bằng 05 lần tiêu chuẩn ngày thường; chế độ ăn đối với người cai nghiện do bị ốm do Trưởng Cơ sở cai nghiện bắt buộc quyết định theo chỉ định của nhân viên y tế điều trị, nhưng không thấp hơn 03 lần tiêu chuẩn ngày thường.

e) Hỗ trợ tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh đối với người cai nghiện nữ, mức 0,45 lần mức lương tối thiểu vùng I/người/năm.

g) Hỗ trợ người cai nghiện bắt buộc chấp hành xong quyết định đưa vào Cơ sở cai nghiện ma túy trở về địa phương nơi cư trú:

- Tiền ăn: 70.000 đồng/người/ngày trong những ngày đi đường, tối đa không quá 03 ngày.

- Tiền tàu xe: theo giá phương tiện công cộng phổ thông.

- Hỗ trợ 01 bộ quần áo mùa hè hoặc mùa đông, mức 0,1 lần mức lương tối thiểu vùng I/người/bộ (*đối với quần áo mùa hè*) hoặc 0,15 lần mức lương tối thiểu vùng I/người/bộ (*đối với quần áo mùa đông*).

2. Nội dung, mức chi đối với người cai nghiện tự nguyện tại các Cơ sở cai nghiện ma túy công lập

Hỗ trợ đối với toàn bộ người cai nghiện tự nguyện. Đối với người cai nghiện cư trú trên địa bàn thành phố Hà Nội cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy công lập của Thành phố, khi hoàn thành đủ 03 giai đoạn quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 29 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 thì được hỗ trợ kinh phí cai nghiện tự nguyện. Cụ thể:

a) Tiền thuốc cắt cơn, giải độc, thuốc điều trị rối loạn tâm thần và điều trị các bệnh cơ hội khác (*nếu có*): Theo thực tế phát sinh, tối đa 650.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.

b) Thuốc chữa bệnh thông thường, phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS, các bệnh truyền nhiễm và phòng, chống dịch bệnh cho người bị ốm được điều trị tại Cơ sở cai nghiện ma túy: tính theo chi phí thực tế và hóa đơn chứng từ hợp pháp.

c) Tiền điện, nước sinh hoạt: 100.000 đồng/người/tháng.

d) Tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh đối với người cai nghiện nữ: mức 0,45 lần mức lương tối thiểu vùng I/người/năm.

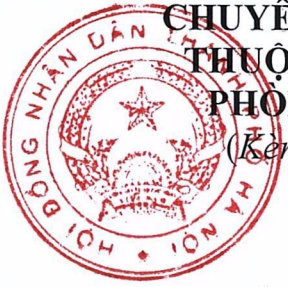
đ) Hỗ trợ tiền ăn hàng tháng của người cai nghiện bằng 0,4 lần mức lương tối thiểu vùng I. Ngày lễ, Tết dương lịch người cai nghiện được ăn thêm bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; các ngày Tết nguyên đán người cai nghiện được ăn thêm bằng 05 lần tiêu chuẩn ngày thường; chế độ ăn đối với người cai nghiện bị ốm do Trưởng Cơ sở cai nghiện quyết định theo chỉ định của nhân viên y tế điều trị, nhưng không thấp hơn 03 lần tiêu chuẩn ngày thường.

e) Tiền tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao và các hoạt động vui chơi giải trí khác: 60.000 đồng/người/06 tháng./.

Phụ lục III

**QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ ĐẶC THÙ HỖ TRỢ LỰC LƯỢNG
CHUYÊN TRÁCH, THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÒNG, CHỐNG MA TÚY
THUỘC CÁC CƠ QUAN CHUYÊN TRÁCH, THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
PHÒNG, CHỐNG MA TÚY TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

(Kèm theo Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2025
của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)



1. Hỗ trợ hàng tháng cho cán bộ, chiến sỹ, lao động hợp đồng thuộc Công an Thành phố

a) Người lao động hợp đồng tại các Cơ sở cai nghiện ma túy thuộc Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Thành phố; mức hỗ trợ: 01 lần mức lương tối thiểu vùng I.

b) Cán bộ, chiến sỹ thuộc lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy thuộc Công an Thành phố; mức hỗ trợ: 01 lần mức lương tối thiểu vùng I.

c) Cán bộ, chiến sỹ thuộc lực lượng tham mưu Cảnh sát thuộc phòng Tham mưu Công an Thành phố và một số cán bộ, chiến sỹ thuộc các phòng chức năng làm nhiệm vụ tham mưu, giúp việc lĩnh vực phòng, chống ma túy của cơ quan thường trực phòng, chống ma túy Công an Thành phố; mức hỗ trợ: 01 lần mức lương tối thiểu vùng I.

d) Hỗ trợ hàng tháng cho cán bộ, chiến sỹ lực lượng kỹ thuật nghiệp vụ (giám sát viễn thông) thuộc phòng Kỹ thuật nghiệp vụ Công an Thành phố; mức hỗ trợ: 0,8 lần mức lương tối thiểu vùng I.

2. Hỗ trợ Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân theo thẩm quyền tham gia kiểm sát điều tra thực hành quyền công tố, xét xử án ma túy

a) Hỗ trợ hàng tháng cho cán bộ được phân công thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra án ma túy thuộc Phòng thực hành quyền công tố kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử án an ninh, ma túy, Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố; mức hỗ trợ: 1.800.000 đồng/người/tháng.

b) Hỗ trợ Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố tham gia kiểm sát điều tra thực hành quyền công tố, xét xử án ma túy (phúc thẩm) và Tòa án nhân dân Thành phố xét xử các vụ án ma túy (sơ thẩm, phúc thẩm); mức hỗ trợ: 300.000 đồng/bị cáo.

c) Hỗ trợ Viện Kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền (trừ cấp Thành phố) tham gia kiểm sát điều tra thực hành quyền công tố, xét xử án ma túy và xét xử các vụ án ma túy (sơ thẩm); mức hỗ trợ: 150.000 đồng/bị cáo.

d) Hỗ trợ Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền tham gia phiên họp xét áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc mức 100.000 đồng/người/phiên họp.

3. Hỗ trợ hàng tháng cho cán bộ tham gia Ủy viên, Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo phòng, chống AIDS, ma túy, mại dâm Thành phố

Mức hỗ trợ: 1.800.000 đồng/người/tháng.

4. Nguyên tắc thực hiện

Trường hợp 01 người cùng đồng thời tham gia thực hiện ở nhiều vị trí, nhiệm vụ thì chỉ được hưởng 01 mức hỗ trợ cao nhất tại Nghị quyết này./.